

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận

2. Bà Lê Thị Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử công khai vụ án thụ lý số 737/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ng Th Á Ng, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Số 338/3A, khu phố Th, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông L Ch C, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Số 72C/1, Khu phố 1A, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ng Th Á Ng trình bày:

Bà và ông C tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2016 ngày 11 tháng 11 năm 2016. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông C không quan tâm đến vợ con. Trước đây, bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông C, nhưng sau đó bà rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân, không trở về

đoàn tụ. Do không còn thương yêu chồng và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên L Ch T, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2016. Vợ chồng ly hôn bà Ng yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện bà Ng yêu cầu ông C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bà Ng thay đổi không yêu cầu ông C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông L Ch C trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà Ng về quan hệ hôn nhân. Riêng về mâu thuẫn vợ chồng ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng là mâu thuẫn nhỏ. Tuy nhiên, bà Ng lại mang con về bên ngoại sống từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 đến nay. Thời gian sống ly thân ông vẫn qua thăm vợ con và có nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ. Đến ngày 04 tháng 2 năm 2019 ông biết bà Ng có quan hệ với người đàn ông khác nên ông đồng ý ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Có 01 con chung tên L Ch T, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2016. Vợ chồng ly hôn ông C yêu cầu giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu bà Ng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông C và được ông C chấp nhận. Xét việc thuận tình ly hôn của bà Ng, ông C là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, bà Ng có đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Ng thay đổi không yêu cầu ông C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét, sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Ng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ng khởi kiện ông C yêu cầu ly hôn, ông C hiện đang thường trú tại địa chỉ: Số 72C/1, Khu phố 1A, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng Th Á Ng và ông L Ch C tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2016 ngày 11 tháng 11 năm 2016, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Ng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C và được ông C chấp nhận. Xét việc thuận tình ly hôn của bà Ng, ông C là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Bà Ng, ông C thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên L Ch T, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2016. Vợ chồng ly hôn, bà Ng yêu cầu giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng không được ông C đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu T còn quá nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu T do bà Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Mặt khác, bà Ng có việc làm, thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi con. Do đó, bà Ng yêu cầu giao cháu T cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện bà Ng yêu cầu ông C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bà Ng thay đổi không yêu cầu ông C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng Th Á Ng với bị đơn ông L Ch C về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Ng Th Á Ng và ông L Ch C về việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu L Ch T, sinh ngày 30 tháng 8 năm 2016 cho bà Ng Th Á Ng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L Ch C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ng Th Á Ng phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0035370 ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết

